

Bản án số: 02/2018/HSST

Ngày: 19/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI CHÂU, TỈNH HOÀ BÌNH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Khắc Tiệp;

2. Ông Hà Bá Khiên.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Khả Thị Thanh Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu tham gia phiên tòa: Ông Khả Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 42/2017/HSST ngày 25/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Đỗ Xuân T**, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1991 tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Xóm 11, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc Kinh; trình độ văn hóa học hết lớp: 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đỗ Xuân H, sinh năm 1972 và bà Trịnh Thị H, sinh năm 1970; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 và có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 24/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong ngày 07/3/2014.

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ ngày 07/3/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

2. **Đỗ Xuân Th**, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1993 tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Xóm 11, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc Kinh; trình độ văn hóa học hết lớp: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đỗ Xuân H, sinh năm 1972 và bà Trịnh Thị H, sinh năm 1970; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị V, sinh năm 1994 và có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 10/3/2017 và chuyển tạm giam ngày 16/3/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

3. **Nguyễn Đức T**, sinh ngày 21 tháng 8 năm 1989 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Khu 5, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ; dân tộc: Kinh;

trình độ văn hóa học hết lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1954 và bà Hà Thị T, sinh năm 1959; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/3/2017 chuyển tạm giam ngày 16/3/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

4. **Nguyễn Đình T**, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1990 tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn 8, xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc Kinh; trình độ văn hóa học hết lớp: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 và có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ ngày 08/6/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

5. **Trịnh Kim H**, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1994 tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc Kinh; trình độ văn hóa học hết lớp: 9/12; nghề nghiệp Lao động tự do; con ông Trịnh Kim N, sinh năm 1970 và bà Trịnh Thị T, sinh năm 1974; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 08/3/2017 và chuyển tạm giam ngày 16/3/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

6. **Hoàng Tuấn A** (tên gọi khác: T), sinh ngày 10 tháng 5 năm 1997 tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc Kinh; trình độ văn hóa học hết lớp: 9/12; nghề nghiệp Lao động tự do; con ông Hoàng Sỹ T, sinh năm 1964 và bà Hồ Thị L, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ ngày 11/3/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Những người bị hại:

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1952; Nơi cư trú: xóm Bãi Cả, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình (Đã chết). Đại diện hợp pháp là bà Quách Diệu H, sinh năm 1979; Nơi cư trú: xóm B, xã B, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Ông Bùi Văn H, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Đội 5, xã Á, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Chị Bùi Thị H, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Xóm B, xã B, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Ông Ngân Văn D, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Xóm T, xã V, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Ông Nguyễn Sóng H, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Xóm T, xã Vạn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trịnh Thị H, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Xóm 11, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Nguyễn Đức K, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Khu 5, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.
3. Hoàng Sỹ T, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Xóm T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.
4. Nguyễn Đình T, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn 8, xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.
5. Nguyễn Đình V, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Xóm 23, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong thời gian từ ngày 19 tháng 6 năm 2017 đến ngày 03 tháng 12 năm 2017 Đỗ Xuân Th, Đỗ Xuân T cùng đồng bọn đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hòa Bình cụ thể.

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 20 giờ ngày 19/6/2016, Đỗ Xuân Th gọi điện thoại rủ Nguyễn Đức T cùng đi xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER của Th đi theo đường mòn Hồ Chí Minh đến địa phận xóm Bãi Cả, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Thấy nhà ông Nguyễn Văn M cửa mở bên trong bật đèn sáng, Đỗ Xuân Th bảo T dừng xe ở ngoài canh gác còn Th đột nhập vào trong nhà lấy các loại tài sản gồm: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu SONY VAIO SVS13117 màu đen, 01 chiếc túi đựng máy tính, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS bản 64GB màu xám, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S bản 16GB màu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 4 bản 16GB màu trắng, 01 điện thoại di động OPPO NEO5 bản 16GB màu xanh, 01 chiếc đồng hồ đeo tay của nam nhãn hiệu MOVADO màu trắng, 01 đồng hồ đeo tay của nữ nhãn hiệu TISORT màu trắng, 01 dây chuyền kim loại Bạc 5 chỉ và 300.000 đồng. Toàn bộ tài sản trộm cắp được Th và T mang bán cho cửa hàng kinh doanh điện thoại di động tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Số tiền bán được Th chia cho T 4.000.000 đồng, số còn lại Th giữ để cùng chi tiêu chung. Riêng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS bản 64GB màu xám Th giữ để sử dụng riêng.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Thủy ngày 27/7/2016 xác định: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu SONY VAIO SVS13117 màu đen, 01 chiếc túi đựng máy tính, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS bản 64GB màu xám, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S bản 16GB màu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 4 bản 16GB màu trắng, 01 điện thoại di động OPPO NEO5 bản 16GB màu xanh, 01 chiếc đồng hồ đeo tay của nam nhãn hiệu MOVADO màu trắng, 01 đồng hồ đeo tay của nữ nhãn hiệu TISORT màu trắng (đều đã qua sử dụng), 01 dây chuyền kim loại bằng bạc 5 chỉ có tổng giá trị là 27.800.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào 19 giờ ngày 31/7/2016 Đỗ Xuân Th gọi điện thoại rủ Nguyễn Đức T, Trịnh Kim H, Hoàng Tuấn A đến nhà ăn cơm và đi trộm cắp tài sản, tất cả đều đồng ý. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Th chuẩn bị mũ lưỡi trai, khẩu trang, điện thoại di động, túi da và dao. Tuấn A điều khiển xe mô tô của mình biển kiểm soát 67L1-

631.57 chở H, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER chở Th đi ra đường mòn Hồ Chí Minh. Khi đi đến địa phận thuộc Đội 5, xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, Th phát hiện gia đình ông Bùi Văn H cửa vẫn mở. Thắng ra hiệu dừng xe lại và bảo T, Tuấn A đứng ngoài cảnh giới, còn Th và H đột nhập vào ngôi nhà lục soát. Các tài sản trộm được gồm: 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu VAIO màu đen, 01 chiếc điện thoại di động IPHONE 5 màu đen, 01 chiếc điện thoại di động IPHONE 4 màu đen. Th đưa những tài sản vừa lấy được cho H và bảo ra ngoài gọi T vào để khiêng kết sắt. H điều khiển xe mô tô chở Th ngồi sau ôm kết, T và Tuấn A đi một xe, khi đến địa phận thôn Thống Nhất, xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa thì dừng lại. H và Tuấn A đứng cảnh giới còn T và T dùng dao đục thủng kết sắt lấy được 48.000.000 đồng, 01 dây chuyền 05 chỉ, 01 chiếc nhẫn mặt vuông 02 chỉ, 01 đôi bông tai 02 chỉ và 02 chiếc nhẫn tròn trọng lượng 04 chỉ (tất cả đều là vàng 9999), còn lại một số giấy tờ Th bỏ lại trong kết và bảo H và Tuấn A đi vút kết xuống gầm cầu. Sau đó cả nhóm về thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa thuê nhà để ngủ. Th chia cho T, H, Tuấn A mỗi người 9.000.000 đồng. Th bảo H, T và Tuấn A mang máy tính xách tay và 02 chiếc điện thoại di động đến cửa hàng kinh doanh điện thoại di động Hiệu Phương để bán. Số vàng lấy được Th, T, Tuấn A mang bán tại cửa hàng kinh doanh vàng bạc tại Phố K, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa bán. Toàn bộ số tiền còn lại Th quản lý để chi tiêu chung cho cả nhóm.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạc Sơn số 141 ngày 31/8/2016 và số 29A/ĐG-HĐĐG ngày 28/11/2017 xác định: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu VAIO màu đen, 01 điện thoại di động IPHONE 5 màu đen, 01 điện thoại di động IPHONE 4 màu đen(đều đã qua sử dụng) và 1,3 cây vàng loại số 9999 cùng 01 chiếc kết sắt có tổng giá trị là 54.380.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào 17 giờ ngày 03/10/2016 Đỗ Xuân Th gọi điện rủ Trịnh Kim H và Hoàng Tuấn A đến nhà ăn cơm và đi trộm tài sản. Th chuẩn bị xe mô tô, khẩu trang, mũ lưỡi trai, túi đựng đồ và dao. Sau đó H điều khiển xe mô tô chở Th và Tuấn A đi ra đường mòn Hồ Chí Minh. Khoảng 01 giờ sáng ngày 04/10/2016 khi đến địa phận xóm Bãi Cả, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Th phát hiện gia đình chị Bùi Thị H cửa vẫn mở. Th ra hiệu dừng xe lại và bảo H, Tuấn A đứng ngoài cảnh giới. Thắng đột nhập vào trong ngôi nhà lục soát lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 4S màu đen. Thắng ra ngoài bảo Tuấn Anh vào khiêng kết sắt ở phòng ngủ. Th lục chiếc túi lấy 200.000 đồng rồi cùng Tuấn A khiêng kết sắt ra ngoài đường đặt lên yên xe mô tô. Th điều khiển xe mô tô chở Tuấn A ngồi trước Th, còn H ngồi sau ôm kết sắt. Khi đi được khoảng 10-15km, Th dừng xe lại bảo Tuấn A và H đứng cảnh giới. Th dùng dao đục phá kết sắt lấy 01 sợi dây chuyền vàng trọng lượng 5 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng tây trọng lượng 01 chỉ, 01 đôi bông tai vàng Tây trọng lượng 1,4 chỉ cho vào túi. Sau đó tất cả đi về huyện Y, Thanh Hóa thuê nhà để ngủ. Th mang số vàng và điện thoại di động đến một cửa hàng kinh doanh vàng bạc ở phố Kiêu, xã Y, Huyện Y, tỉnh Thanh Hóa bán được 17.000.000 đồng. Th chia cho H và Tuấn A mỗi người 3.000.000 đồng số còn lại Th giữ để chi tiêu chung cho cả nhóm.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Thủy số 10 ngày 29/03/2017 xác định: 01 sợi dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 5 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng tây trọng lượng 1 chỉ, 01 đôi bông tai vàng Tây trọng lượng 1,4 chỉ, 01 điện thoại di động IPHONE 4S màu đen (đã qua sử dụng) và 01 chiếc kết sắt nhẫn hiệu Việt Tiệp loại 130kg có tổng giá trị là 24.540.000 đồng.

Vụ thứ tư: Chiều ngày 02/12/2016, Đỗ Xuân T rủ Nguyễn Đình T, Trịnh Kim H, Hoàng Tuấn A đến nhà mình ăn cơm và đi trộm cắp tài sản. T chuẩn bị khẩu trang, mũ lưỡi trai, túi đựng đồ, điện thoại di động và dao. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36D1 - 446.34 chở Nguyễn Đình T, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67L1-631.57 chở Tuấn A. Đến khoảng 2 giờ sáng ngày 03/12/2016 khi đến địa phận xóm Thanh Mai, xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình phát hiện ngôi nhà sàn của ông Ngần Văn D cửa vẫn mở. T ra hiệu cho xe dừng lại rồi bảo T, H và Tuấn A đứng ngoài canh giới. T đột nhập vào ngôi nhà lục soát lấy chiếc ví trong túi áo khoác. T mang ra phía sau nhà kiểm tra và lấy được 10.000.000 đồng cùng chiếc áo khoác rồi vút lại chiếc ví cùng giấy tờ và ra ngoài.

Vụ thứ năm: Sau khi trộm cắp nhà ông Ngần Văn D, cả nhóm đi đến địa phận xóm K, xã V, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Thấy xưởng của ông Nguyễn Sóng H cửa vẫn mở. T ra hiệu cho xe dừng lại và bảo H, T đứng ngoài đường canh giới. T và Tuấn A đột nhập vào bên trong ngôi nhà, T lấy chiếc ví và 02 chiếc đồng hồ cho vào túi áo khoác, phát hiện thấy có chiếc kết sắt kê ở gần cửa ra vào phòng khách. T cùng Tuấn A khiêng kết sắt lên xe mô tô mà H đã đợi sẵn ngoài đường quốc lộ. T điều khiển xe mô tô H ngồi sau ôm kết đi về phía tỉnh Thanh Hóa, đi được khoảng 15km thì dừng lại. T bảo H và Tuấn A đi mượn dao để phá kết sắt. Khi Tuấn A và H quay lại thì T và T đã đục thủng kết lấy được 150.000.000 đồng và một chiếc nhẫn vàng trọng lượng 02 chỉ, T lén dấu đi 60.000.000 đồng không cho Tuấn A và H biết. Sau khi lấy tài sản trong kết, T chia cho Tuấn A, H mỗi người 20.000.000 đồng còn T và T mỗi người được 50.000.000 đồng. Số còn lại cùng 6.000.000 đồng tiền bán vàng và 2.000.000 đồng tư lấy ở ví của ông H, T giữ để chi tiêu chung cho cả nhóm. Đối với chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu AOLIX (đồng hồ điện tử) T đưa cho T quản lý sử dụng.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mai Châu số 01 ngày 05/12/2016 xác định: 01 chiếc kết điện tử, nhãn hiệu BDI, màu xám, trọng lượng 105kg, 01 chiếc đồng hồ đeo tay của nam nhãn hiệu AOLIX và 01 chiếc đồng hồ đeo tay nam loại dây đeo bằng kim loại màu trắng bạc mặt hiển thị hình tròn (đều đã qua sử dụng), 01 chiếc nhẫn vàng 24K loại 2 chỉ có tổng giá trị là 10.740.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc đồng hồ điện tử hiệu AOLIX; 02 con dao mũi bằng, chuôi dao làm bằng gỗ; 01 xe mô tô BKS 36D1- 34464 cùng giấy đăng ký xe mang tên Lê Văn Hưng; 01 xe mô tô BKS 67L1- 631.57 cùng giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Thuận; 02 kết sắt; tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam là 188.000.000 (Một trăm tám mươi tám triệu) đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình đã Quyết định nhập vụ án hình sự số 01/PC45 ngày 13/3/2017 để giải quyết toàn bộ vụ án.

Bản cáo trạng số: 31/VKS - HS ngày 02 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu đã truy tố các bị cáo về tội trộm cắp tài sản cụ thể: Đỗ

Xuân Th, Đỗ Xuân T, Nguyễn Đức T và Nguyễn Đình T theo điểm e khoản 2 Điều 138; Trịnh Kim H và Hoàng Tuấn A theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự .

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu thực hành quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 33; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Đỗ Xuân Th và Đỗ Xuân T từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 20; Điều 33; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Đình T từ 16 đến 22 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; Điều 20; Điều 33; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự: Xử phạt Hoàng Tuấn A từ 48 đến 54 tháng tù, xử phạt Trịnh Kim H từ 54 đến 60 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại giá trị các tài sản mà các bị cáo đã trộm cắp.

Về vật chứng: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn, đề nghị không xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Đề nghị áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Đối với anh Nguyễn Đình V là người được T đưa cho sử dụng chiếc điện thoại IPHONE 6PLUS. Anh V không biết tài sản này do bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước Hội đồng xét xử: đều thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo đều xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1].*Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hòa Bình, điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định. Thể hiện trong thời gian kể từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2016 các bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của nhiều gia đình gây thiệt hại có giá trị cụ thể: Đỗ Xuân Th là 155.220.000 đồng, Đỗ Xuân T là 172.740.000 đồng, Nguyễn Đức T là 130.480.000 đồng, Nguyễn Đình T là 172.740.000 đồng, Trịnh Kim H là 299.860.000 đồng và Hoàng Tuấn A là 299.860.000 đồng. Căn cứ vào Nghị quyết 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 về xem xét các tình tiết có lợi cho bị cáo thì cần áp dụng các Điều, khoản của Bộ luật Hình sự năm 1999 để giải quyết vụ án là phù hợp. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản đối với Đỗ Xuân Th, Đỗ Xuân T, Nguyễn Đức T và Nguyễn Đình T theo điểm e khoản 2 Điều 138; các bị cáo Trịnh Kim H và Hoàng Tuấn A theo điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự qui định: Người nào chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Tại điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự qui định: Người nào chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã có ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất an ninh trật tự ở địa phương.

[3]. *Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo:* Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, cấu kết, bàn bạc hoặc lên kế hoạch phạm tội từ trước. Các bị cáo chỉ sử dụng xe mô tô đi xem nhà ai có sự sơ hở trong quản lý tài sản thì cùng nhau trộm cắp bán để lấy tiền chi tiêu. Các bị cáo đều tham gia từ hai lần trộm cắp trở lên và mỗi lần đều có giá trị trên 2.000.000 đồng đây là tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần”, song tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo thể hiện ý thức ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động gia đình tích cực bồi thường khắc phục hậu quả, các tình tiết này được qui định tại điểm b,P khoản 1 Điều 46 và điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Xét về vai trò, vị trí hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo cụ thể đối với:

Đỗ Xuân Th: là người khởi xướng, cầm đầu trong ba lần trộm cắp tài sản đã gây thiệt hại với số tiền là 155.220.000 đồng. Bị cáo là người chủ động chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội. Trong ba lần phạm tội thì bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi, là người quyết định việc phân chia và cũng là người lo chi tiêu chung cho cả hội. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm cao hơn so với bị cáo khác và cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đỗ Xuân T: cũng là người khởi xướng, cầm đầu trong hai lần trộm cắp tài sản đã gây thiệt hại với số tiền là 172.740.000 đồng. Bị cáo là người chủ động chuẩn bị

công cụ, phương tiện phạm tội. Trong hai lần phạm tội bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi, là người quyết định việc phân chia và cũng là người lo chi tiêu chung cho cả hội. Bị cáo có nhân thân xấu đã bị xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cũng về tội trộm cắp tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn lao sâu vào con đường phạm tội. Do vậy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Khi phạm tội bị cáo ra đầu thú được qui định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Đức T: đã giúp sức cho Đỗ Xuân Th thực hiện hai lần trộm cắp tài sản gây thiệt hại với số tiền là 130.480.000 đồng. Trong hai lần phạm tội thể hiện bị cáo tham gia với vai trò là người điều xe mô tô, cảnh giới và là người trực tiếp khênh kết sắt. Bị cáo cũng được Đỗ Xuân Th chia phần vì vậy bị cáo cũng phải chịu hình phạt nghiêm khắc cách ly khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo chỉ tham gia với vai trò đồng phạm, bổ đề của bị cáo là thương binh đã được nhà nước tặng thưởng huân chương, các tình tiết này được qui định tại khoản 2 Điều 46, Điều 20 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được qui định tại khoản 1 Điều 46 nên được áp dụng Điều 47 khi xem xét mức hình phạt cho bị cáo.

Nguyễn Đình T: đã giúp sức cho Đỗ Xuân T thực hiện hai lần trộm cắp tài sản gây thiệt hại với số tiền là 172.740.000 đồng. Trong hai lần phạm tội thể hiện bị cáo tham gia với vai trò là người cảnh giới và là người trực tiếp cùng Tư phá kết sắt. Bị cáo cũng được Đỗ Xuân T chia phần nhiều hơn vì vậy bị cáo cũng phải chịu hình phạt nghiêm khắc cách ly khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Bị cáo tham gia với vai trò là đồng phạm, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, các tình tiết này được qui định tại khoản 2 Điều 46, Điều 20 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo đã tác động để chị Nguyễn Thị T nộp thay cho bị cáo số tiền là 27.972.500 đồng tại biên lai số 04234 ngày 19/01/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được qui định tại khoản 1 Điều 46 nên được áp dụng Điều 47 khi xem xét mức hình phạt cho bị cáo.

Hoàng Tuấn A: là đồng phạm, bị cáo đã tích cực giúp sức cho Đỗ Xuân T và Đỗ Xuân Th thực hiện bốn lần trộm cắp tài sản gây thiệt hại với số tiền là 299.860.000 đồng. Trong bốn lần phạm tội bị cáo tham với vai trò là người điều khiển xe mô tô, cảnh giới và là người trực tiếp cùng Th khênh kết sắt, sau khi trộm được bị cáo cũng tham gia đi bán tài sản. Bị cáo cũng được Đỗ Xuân T và Đỗ Xuân Th chia phần vì vậy bị cáo cũng phải chịu hình phạt nghiêm khắc cách ly khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, các tình tiết này được qui định tại khoản 2 Điều 46, Điều 20 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được qui định tại khoản 1 Điều 46 nên được áp dụng Điều 47 khi xem xét mức hình phạt cho bị cáo.

Trịnh Kim H: Bị cáo đã tích cực giúp sức cho Đỗ Xuân T và Đỗ Xuân Th thực hiện bốn lần trộm cắp tài sản gây thiệt hại với số tiền là 299.860.000 đồng. Trong bốn lần phạm tội bị cáo tham với vai trò là người điều khiển xe mô tô, cảnh giới và là người trực tiếp ôm kết sắt cho T, sau khi trộm được bị cáo cũng tham gia đi bán tài sản. Bị cáo cũng được Đỗ Xuân T và Đỗ Xuân Th chia phần vì vậy bị cáo cũng phải

chịu hình phạt nghiêm khắc cách ly khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Bị cáo là đồng phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại Điều 20 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo đã tác động để chị Lê Thị Lan A nộp thay cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng tại biên lai số 04235 ngày 19/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được qui định tại khoản 1 Điều 46 nên được áp dụng Điều 47 khi xem xét mức hình phạt cho bị cáo.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế của bị cáo là rất khó khăn thể hiện tại các biên bản xác minh của Công an tỉnh Hòa Bình, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải xử phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[5]. Về Trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585 và Điều 587 Bộ luật Dân sự. Các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại cho các gia đình bị hại cụ thể như sau:

Đối với ông Nguyễn Văn M(đại diện là bà Quách Diệu H) Tổng số thiệt hại là 28.100.000 đồng trong đó các loại tài sản bị mất đã định giá là 27.800.000 đồng, tiền Việt Nam đồng là 300.000 đồng. Các bị cáo Đỗ Xuân Th và Nguyễn Đức T phải bồi thường mỗi người là 7.550.000 đồng, riêng Đỗ Xuân Th phải bồi thường thêm 13.000.000 đồng đối với điện thoại IPHONE 6 PLUS bản 64GB cho bà Quách Diệu H.

Ông Bùi Văn H: Tổng thiệt hại là 102.380.000 đồng trong đó các loại tài sản bị mất đã định giá là 54.380.000 đồng, tiền Việt Nam đồng là 48.000.000 đồng. Các bị cáo Đỗ Xuân Th, Nguyễn Đức T, Hoàng Tuấn A và Trịnh Kim H mỗi bị cáo phải bồi thường là 25.595.000 đồng cho ông Bùi Văn H.

Chị Bùi Thị H: Tổng số thiệt hại là 24.740.000 đồng trong đó các loại tài sản bị mất đã định giá là 24.540.000 đồng, tiền Việt Nam đồng là 200.000 đồng. Các bị cáo Đỗ Xuân Th, Hoàng Tuấn A và Trịnh Kim H mỗi người phải bồi thường số tiền 8.247.000 đồng cho chị Bùi Thị H.

Ông Ngân Văn D: Các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Đình T, Hoàng Tuấn A và Trịnh Kim H mỗi người phải bồi thường số tiền 2.500.000 đồng cho ông Ngân Văn D đã bị mất trộm 10.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Sóng H: Tổng tài sản bị mất trị giá là 162.740.000 đồng trong đó các loại tài sản bị mất đã định giá là 10.740.000 đồng, tiền Việt Nam đồng là 152.000.000 đồng. Các bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Đình T, Hoàng Tuấn A và Trịnh Kim H mỗi người phải bồi thường là 25.472.500 đồng cho ông Nguyễn Sóng H. Đỗ Xuân T và Nguyễn Đình T phải bồi thường riêng mỗi người là 30.000.000 đồng, Hoàng Tuấn A phải bồi thường riêng số tiền 850.000 đồng đối với chiếc đồng hồ điện tử hiệu AOLIX cho ông Nguyễn Sóng H.

[6]. Về các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Đình V là người đã mua và sử dụng tài sản nhưng không biết là do Đỗ Xuân T trộm cắp nên không đủ cơ sở để xem xét về trách nhiệm hình sự. Đối với số tiền 228.734.500 đồng gia đình của các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền để bồi thường cho các bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét.

[7]. Về vật chứng của vụ án: căn cứ vào điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cần được xử lý như sau.

- Đối với xe mô tô BKS 36D1- 44634 cùng giấy đăng ký xe mang tên Lê Văn Hưng đây là xe của bà Trịnh Thị Hồng, bà Hồng không biết bị cáo Đỗ Xuân Tư sử dụng xe đi trộm cắp tài sản nên cần trả lại cho bà Hồng.

- Đối với xe mô tô BKS 67L1 – 63157 cùng giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Thuận đây là xe của Hoàng Tuấn Anh đã sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần phải tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước.

- Đối với chiếc đồng hồ hiệu AOLIX(điện tử), 02 con dao và hai chiếc kết sắt hiện đã hư hỏng không còn giá trị sử dụng cần phải tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với số tiền 235.972.500 đồng mà gia đình các bị cáo đã tự nguyện nộp, cần giao cho chi cục Thi hành án dân sự tiếp tục tạm giữ số tiền 228.734.500 đồng để đảm bảo cho công tác thi hành án. Trả lại số tiền thừa cho ông Hoàng Sỹ T là 335.500 đồng và ông Nguyễn Đức K là 6.855.000 đồng.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Xuân Th, Đỗ Xuân T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Đình T, Hoàng Tuấn A và Trịnh Kim H phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về mức hình phạt:

+ Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 và 2 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân Th 24(Hai bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 10/3/2017.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân T 24(Hai bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 07/3/2017.

+ Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 20; điểm b, p khoản 1 và 2 Điều 46; Điều 47; điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 20(Hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 10/3/2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 20(Hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 08/6/2017.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; Điều 20; điểm b, p khoản 1 và 2 Điều 46; Điều 47; điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Tuấn A 48(Bốn tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 11/3/2017.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Kim H 60(Sáu mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 08/3/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585 và Điều 587 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Đỗ Xuân Th phải bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn M(người đại diện: Bà Quách Diệu H) số tiền là 20.550.000 đồng, ông Bùi Văn H số tiền là 25.595.000 đồng và chị Bùi Thị H số tiền là 8.247.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 54.392.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền 15.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp, bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn thiếu là 39.392.000 đồng.

- Buộc bị cáo Đỗ Xuân T phải bồi thường cho ông Ngân Văn D số tiền là 2.500.000 đồng và ông Nguyễn Sóng H số tiền là 55.472.500 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 57.972.500 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền 40.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp, bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn Thiếu là 17.972.500 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn M (người đại diện: Bà Quách Diệu H)số tiền là 7.550.000 đồng, ông Bùi Văn H số tiền là 25.595.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 33.145.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền 40.000.000 đồng gia đình đã nộp.

- Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường cho ông Ngân Văn D số tiền là 2.500.000 đồng và ông Nguyễn Sóng H số tiền là 55.472.500 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 57.972.500 đồng được đối trừ vào số tiền 57.972.500 đồng gia đình bị cáo đã nộp.

- Buộc bị cáo Hoàng Tuấn A phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Ngân Văn D 2.500.000 đồng, ông Bùi Văn H là 25.595.000 đồng, chị Bùi Thị H là 8.247.000 đồng và ông Nguyễn Sóng H số tiền là 26.322.500 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 62.664.500 đồng được đối trừ vào số tiền 63.000.000 đồng gia đình đã nộp.

- Buộc bị cáo Trịnh Kim H phải bồi thường cho ông Ngân Văn D số tiền là 2.500.000 đồng, ông Bùi Văn H là 25.595.000 đồng, chị Bùi Thị H là 8.247.000 đồng và ông Nguyễn Sóng H số tiền là 25.472.500 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 61.814.500 đồng được đối trừ vào số tiền gia đình bị cáo đã nộp là 20.000.000 đồng. Bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn thiếu là 41.814.500 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có yêu cầu thi hành án nếu các bị cáo không thực hiện nghĩa vụ bồi thường,thì phải chịu lãi theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của luật thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần xử lý các vật chứng như sau:

- Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu tiếp tục tạm giữ số tiền mà gia đình các bị cáo đã nộp cụ thể: Đỗ Xuân T là 40.000.000đ, Đỗ Xuân Th là 15.000.000đ, Nguyễn Đức T là 33.145.000đ, Nguyễn Đình T là 57.972.500 đ, Hoàng

Tuấn A là 62.164.500 đồng và Trịnh Kim H là 20.000.000 đồng để đảm bảo cho công tác thi hành án.

- Trả lại ông Hoàng Sỹ T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa số tiền là 335.500 đồng.

- Trả lại ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khu 5, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ số tiền là 6.855.000 đồng.

- Tuyên trả lại bà Trịnh Thị H, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Xóm 11, xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. 01 chiếc xe mô tô màu sơn đen, nhãn hiệu YAMAHA ECXITER biển kiểm soát 36D1- 344.64, số máy: G3D4E189406, số khung: 0610 FY176497(Xe không có gương, không có chìa khóa, xe bị xước) đã qua sử dụng không kiểm tra máy móc bên trong. Giấy đăng ký xe mô tô có BKS 36D1- 344.64 mang tên Lê Văn Hưng do Công an huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/02/2016.

- Tuyên tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước xe mô tô màu sơn trắng đỏ, nhãn hiệu YAMAHA ECXITER, BKS 67L1-631.57, số máy G3D4E187658, số khung: 0610FY174742.(Xe không có gương, không có chìa khóa, chắn bùn phía sáu bị vỡ) đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy móc bên trong. Giấy đăng ký xe mô tô có BKS 67L1- 63157 mang tên Nguyễn Văn Thuấn do Công an huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 10/10/2016.

- Tuyên tịch thu 01 chiếc đồng hồ hiệu AOLIX, Ký hiệu AL 9099 cũ đã qua sử dụng; 01 két sắt hiệu KIM KHI VIỆT TIỆP đã bị hư hỏng nặng; 01 két sắt ký hiệu công ty thiết bị vật tư Ngân hàng BDI đã bị thủng đằng sau và hư hỏng; 02 con dao mũi bằng chuôi dao làm bằng gỗ, bên ngoài được bọc giấy có chữ ký của Đỗ Xuân Tư để tiêu hủy sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Vật chứng nêu trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 29/THA ngày 28/8/2017 và biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo mỗi người đều phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Về án phí dân sự bị cáo Đỗ Xuân Th phải nộp 1.970.000 đồng, bị cáo Đỗ Xuân T phải nộp 899.000 đồng và bị cáo Trịnh Kim H phải nộp 2.091.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình để xin xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo cùng thời hạn kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Sở Tư pháp tỉnh HB;
- Trại tạm giam HB;
- VKSND huyện MC;
- CA huyện MC;
- THAHS + DS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- UBND xã Q,xã X
huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã X
Huyện L, tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Q
TP T, tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T
Huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo + Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Hưng